

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12 - 2018

V/v: Tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Ông Trần Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2018/QĐST-DS ngày 03/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số 17, Trần H, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường Nguyễn Thị Hiếu Túc, khu phố N, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 17, Trần H, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường Nguyễn Thị Hiếu Túc, khu phố N, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn S trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Xuân H cưới nhau vào năm 1983 và đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc và trong thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến; gặp mặt nhau hay cự cãi. Tuy nhiều lần muốn được hàn gắn nhưng không được và từ đó vợ chồng bắt đầu sống ly thân; không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Để được tự do không còn ràng buộc nhau tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân H.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1984; Huỳnh Văn H, sinh năm 1988 và Huỳnh Văn Th, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã trưởng thành; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi được ly hôn các con có nguyện vọng theo ở với ai là tùy tôi không cấm cản.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có 01 căn nhà cấp 4, cất trên đất diện tích 100m²; tọa lạc tại khu phố N, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang; ngoài ra, không có tài sản nào khác. Về nhà - đất trên tôi không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H vắng mặt: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Huỳnh Văn S được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Xuân H. Về con chung đến nay đã trưởng thành không phải xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc ông Huỳnh Văn S tranh chấp xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Xuân H có nơi cư trú tại phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh

Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đều không có mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đồng thời, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho bà Xuân H biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

[3] Việc mở phiên tòa xét xử bà Nguyễn Thị Xuân H cũng được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà Xuân H không có yêu cầu phản tố, nên tiến hành xét xử vắng mặt bà Xuân H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo ông Huỳnh Văn S khai rằng ông và bà Nguyễn Thị Xuân H được cha mẹ đôi bên đồng ý và tổ chức lễ cưới cho ông bà vào năm 1983 nhưng đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông S cung cấp và kết quả Tòa án xác minh có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy hộ ông Huỳnh Văn S có 05 nhân khẩu, ông là chủ hộ, vợ là Nguyễn Thị Xuân H và 03 đứa con chung; đứa con lớn nhất là Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1984. Như vậy, hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân H được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) nên được coi là hôn nhân thực tế; ngày xác lập hôn nhân giữa ông S và bà Xuân H là từ năm 1983. Do việc xác lập hôn nhân của ông bà từ trước khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành nên khi một trong các bên vợ hoặc chồng hoặc cả hai vợ chồng có yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Xét về tình cảm vợ chồng: Theo ông Huỳnh Văn S trình bày sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống có đầm ấm, hạnh phúc và mâu thuẫn mới phát sinh trong những năm gần đây do tính tình không am hợp, hay cự cãi nhau và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau; ông bà cũng đã sống ly thân nhiều năm nay; ông S cũng đã một lần làm đơn xin ly hôn bà Xuân H nhưng chỉ vì con cái sau đó ông tự nguyện xin rút đơn lại. Mặt khác, trước đây bà Xuân H được giao quản lý tiền bạc nhưng gây thất thoát không rõ lý do và hiện nay bà Xuân H thường xuyên vắng

nhà; có thông tin cho rằng bà Xuân H đi Thành phố Hồ Chí Minh làm gì ông S cũng không rõ lý do. Qua việc ông S trình bày trên; Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa ông S và bà Xuân H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho ông S được ly hôn đối với bà Xuân H.

[6] Về con chung: Ông Huỳnh Văn S khai nhận có 03 con chung là Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1984; Huỳnh Văn H, sinh năm 1988 và Huỳnh Văn Th, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã trưởng thành; ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Theo ông Huỳnh Văn S khai nhận hiện tại có 01 căn nhà cấp 4, cất trên đất diện tích 100 m²; tọa lạc tại đường Nguyễn Thị Hiếu Túc, khu phố N, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang; ngoài ra, không còn tài sản nào khác. Tài sản chung là nhà - đất này ông S không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét.

[8] Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn S khai nhận vợ chồng không có nợ chung qua lại và không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[9] Về án phí: Ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn S được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Xuân H.

2. Về con chung: Ghi nhận việc ông Huỳnh Văn S không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Văn H và Huỳnh Văn Th đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận và miễn xem xét giải quyết tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, cất trên đất diện tích 100 m²; tọa lạc tại đường Nguyễn Thị Hiếu Túc, khu phố N, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang, do ông Huỳnh Văn S không có tranh chấp, yêu cầu.

4. Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn S khai nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001063 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang, nên ông S không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Vân